



yīn chén

阴沉

adjective · gloomy; overcast

Example Sentences

Jīn tiān tiān qì yīn chén

今天天气阴沉。

The weather is gloomy today.

Tā liǎn sè yīn chén hǎo xiàng hěn bù gāo xìng

他脸色阴沉，好像很不高兴。

His face was gloomy, as if he was very unhappy.

Yīn chén de tiān sè ràng rén gǎn dào yā yì

阴沉的天色让人感到压抑。

The overcast sky makes people feel oppressed.

Trace each character, then write the word on your own.

阴	阴	阴	阴	阴	阴	阴	阴	阴											
沉	沉	沉	沉	沉	沉	沉	沉	沉	沉										